



Tìm hiểu cách trang web được xuất bản trên internet

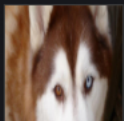


Cách tắt thông báo web dành cho Windows, macOS và Android



Cách để gộp nhiều file word lại với nhau

TRAINING



Các kiểu dữ liệu SQL

Được viết bởi **QuangIT** vào ngày 19/01/2013 lúc 05:52 AM

Trong cơ sở dữ liệu, mỗi cột, biến địa phương, expression và tham số có kiểu dữ liệu có liên quan.

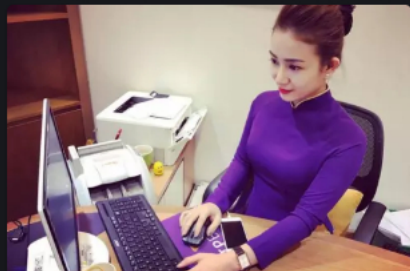
CẤP BẬC TÁC GIẢ:



52206 0

Các kiểu dữ liệu SQL

PROMOTED CONTENT



Cô gái kiếm 1,5 tỷ đồng mỗi tháng bằng phương pháp quái đản!

lestsbane-sockgles.com



Thị lực của tôi trở nên rõ ràng nhờ những giọt này



Hội phục thị lực đơn giản bằng cách này



Cách chữa hôi miệng nhanh nhất không phải ai cũng biết



Mỗi đêm, bạn sẽ bị mất 1kg, nếu bạn làm điều này trước khi ngủ



Mỡ ở bụng và hai bên hông sẽ biến mất chỉ trong 3 ngày!

BÀI VIẾT MỚI NHẤT

- ASP.Net repeater Item Command không hoạt động
- Vector là gì và sử dụng như thế nào?
- Làm thế nào để học React Native
- Tạo dãy số ngẫu nhiên không trùng bằng VBA Excel
- Cách viết và chèn mã VBA trong EXCEL
- Cách lọc phần tập tin mở rộng
- Sự khác nhau giữa API và SDK là gì?
- So sánh PDO và Mysqli. Khái niệm và những thao tác cơ bản của PDO
- Tài liệu học Thực hành Lập trình di động - Android Studio
- [LINQ]Phần 5: Các kiểu quan hệ trong truy vấn LINQ

Xem tất cả

PROMOTED CONTENT



Cô gái kiếm 1,5 tỷ đồng mỗi tháng bằng phương pháp quái đản!

lestsbane-sockgles.com



Từ một cô gái nghèo biến thành phú nữ nhờ phương pháp này

lestsbane-sockgles.com



Mỗi đêm, bạn sẽ bị mất 1kg, nếu bạn làm điều này trước khi ngủ



Mỡ ở bụng và hai bên hông sẽ biến mất chỉ trong 3 ngày

LIKE BOX

BÀI VIẾT ĐƯỢC XEM NHIỀU NHẤT

- LẤY LẠI MẬT KHẨU SA TRONG SQL SERVER 2005 2008 (61453)
- Các kiểu dữ liệu SQL (52206)
- Một số bài tập mẫu SQL(Phần 1) (51817)
- Kiểu dữ liệu Array và List trong C# (49996)
- [TUT]Xây dựng Website Bán Hàng - Hướng dẫn tạo DataBase (47526)
- Chuyển đổi giữa các hệ cơ số (47402)
- CCF cho các thủ thuật trong thiết kế hệ thống

Các kiểu dữ liệu

Trong cơ sở dữ liệu, mỗi cột, biến địa phương, expression và tham số có kiểu dữ liệu có liên quan.

Kiểu dữ liệu là thuộc tính xác định các loại dữ liệu mà đối tượng có thể tổ chức.

Sau đây là các kiểu dữ liệu khác nhau:

- Integer Types
- Boolean Type
- Decimal Types
- Monetary or Currency Types
- Date and Time Values
- String Values
- Binary Values
- Timestamp
- Uniqueidentifier
- XML

1. Integer Types

- Các kiểu Integer giữ giá trị số nguyên.
- Các kiểu Integer là tinyint, smallint, int và bigint kiểu dữ liệu với kích thước 1, 2, 4 và 8 byte tương ứng.

Integer Types	Bytes
Tinyint	1
Smallint	2
Int	4
Bigint	8

2. Boolean Type

- Kiểu Boolean có thể giữ các giá trị boolean
- Nó có thể cung cấp kiểu dữ liệu "bit" mà có thể mất một giá trị 1, 0 hoặc NULL

Lưu ý: Chuỗi giá trị TRUE và FALSE có thể được chuyển đổi sang giá trị bit: TRUE được chuyển đến 1 và FALSE được chuyển đổi sang 0.

3. Decimal Types

Các Kiểu thập phân giữ giá trị thập phân.

Chúng cung cấp các loại sau đây:

- decimal and numeric
- float and real

Decimal and numeric

- Decimal [(p [, s])] và numeric[(p [, s])]
- p (độ chính xác) -> tổng số tối đa số chữ số thập phân có thể được lưu trữ, cả hai bên trái và bên phải của số thập phân. Độ chính xác

- CSS cho các theme theo trạng thái (link, hover, visited, active, focus) (43608)
- Xây dựng Lớp Phân Số. Tính toán Cộng, trừ, nhân, chia (34204)
- Hướng dẫn khắc phục lỗi không tạo được Diagrams(sơ đồ quan hệ) trong SQL 2005/2008 (24929)
- Prototype là gì? (23708)

Xem tất cả ➡

HỌC HTML

- 1 / TypeScript là gì? TypeScript và Javascript
- 2 / Các lỗi Javascript cần khắc phục
- 3 / Thay đổi đường dẫn đến Ảnh dùng JQuery
- 4 / Đăng nhập Website thông qua Facebook SDK
- 5 / Cẩn giữ phần tử trong CSS
- 6 / Tạo bộ công cụ hỗ trợ trực tuyến đẹp mắt
- 7 / Khắc phục lỗi xác minh các trường dữ liệu trong HTML5 với các button độc lập
- 8 / Cách định dạng tiền tệ trong JQuery
- 9 / Hướng dẫn làm menu cố định, di chuyển theo thanh trượt
- 10 / Hướng dẫn sử dụng map và area trong HTML Responsive

Xem tất cả ➡

HỌC HỆ THỐNG MẠNG

- Hướng dẫn Cấu hình DHCP và Routing Remote Access
- Hướng dẫn tạo Organizational Unit - Domain Group & User - Join Domain
- Nghẽn băng thông mạng LAN
- Cisco Meraki - Kiến trúc hạ tầng mạng tiên tiến có một không hai
- Hướng dẫn chia sẻ dữ liệu giữa máy thật và máy ảo trên VirtualBox

Xem tất cả ➡

- phải là một giá trị từ 1 đến độ chính xác tối đa là 38. Độ chính xác mặc định là 18.
- s (scale) -> số lượng tối đa các chữ số thập phân có thể được lưu trữ ở bên phải của số thập phân. Quy mô phải là một giá trị từ 0 đến p. Quy mô có thể được xác định chỉ khi độ chính xác được quy định cụ thể. Quy mô mặc định là 0.
 - Các kích thước lưu trữ của các kiểu Decimal và Numeric khác nhau, dựa vào độ chính xác, như thể hiện sau đây:

Precision	Storage bytes
1 to 9	5
10 to 19	9
20 to 28	13
29 to 38	17

Lưu ý: numeric có chức năng tương đương với decimal.

Float and real

- float [(n)] và real
- Ước tính số kiểu dữ liệu sử dụng với dữ liệu điểm số nổi.
- Dữ liệu dấu chấm động là gần đúng, do đó, không phải tất cả các giá trị trong phạm vi kiểu dữ liệu có thể được đại diện chính xác.
- Trong đó n là số bit được sử dụng để lưu trữ các mantissa của số float trong ký hiệu khoa học, và do đó, dictates chính xác và kích thước lưu trữ.
- Nếu n được quy định cụ thể sau đó nó phải là một giá trị giữa 1 và 53.
- Giá trị mặc định của n là 53.

n value	Precision	Storage size
1 to 24	7 digits	4 bytes
25 to 53	15 digits	8 bytes

4. Monetary hoặc Currency Types

- Các loại tiền tệ hoặc ngoại tệ giữ giá trị tiền tệ.
- Nó cung cấp kiểu dữ liệu smallmoney và money với kích thước 4 và 8 byte tương ứng.

Monetary Types	Bytes
Smallmoney	4
Money	8

5. Date and Time Values

Các giá trị ngày và thời gian giữ các giá trị ngày và thời gian của một ngày.

Nó cung cấp các loại sau đây:

- smalldatetime
- datetime

Data type	Range	Accuracy
Smalldatetime	January 1, 1900, through June 6, 2079	1 minute
Datetime	January 1, 1753, through December 31, 9999	3.33 milliseconds

Smalldatetime

- Các kiểu dữ liệu smalldatetime lưu trữ ngày tháng và thời gian trong ngày với độ chính xác ít hơn datetime.
- Công cụ cơ sở dữ liệu lưu trữ các giá trị smalldatetime như hai 2-byte số nguyên.
- 2 byte đầu tiên lưu trữ số ngày sau 01 tháng 1 năm 1900.
- 2 byte khác lưu các số phút kể từ nửa đêm.

Datetime

- Các giá trị với các kiểu dữ liệu datetime được lưu trữ nội bộ bởi các công cụ cơ sở dữ liệu Microsoft Server SQL 2005 là hai số nguyên 4-byte.
- 4 byte đầu tiên lưu trữ số lượng ngày trước hoặc sau ngày cơ sở: 01 Tháng Một năm 1900.
- Ngày cơ sở các tài liệu tham khảo hệ thống ngày.
- 4 byte lưu trữ thời gian trong ngày biểu diễn như là số mili giây sau nửa đêm.

6. String Values

Chuỗi giá trị giữ các giá trị chuỗi

Kiểu chuỗi là:

- Char
- Varchar
- Text
- Nchar
- Nvarchar
- Ntext

Char

- char [(n)]
- Độ dài cố định, dữ liệu non-Unicode với chiều dài của byte n.
- n phải là một giá trị từ 1 đến 8000.
- Kích thước lưu trữ là n byte.

Varchar

- varchar [(n | max)]
- Độ dài thay đổi, dữ liệu ký tự Unicode.
- n có thể là một giá trị từ 1 đến 8000.
- tối đa chỉ ra rằng kích thước lưu trữ tối đa là 2 ^ 31-1 bytes.
- Kích thước lưu trữ là chiều dài thực tế của dữ liệu nhập vào + 2 byte.

Text

Text là kiểu dữ liệu lưu trữ chuỗi không giới hạn độ dài. Microsoft SQL Server 2005

- Đó là bằng varchar (max) kiểu dữ liệu này sẽ được gỡ bỏ trong một phiên bản tương lai của Microsoft SQL Server.
- Tránh sử dụng các loại dữ liệu trong công cụ phát triển mới, thay vì sử dụng varchar (max).

Nchar

- nchar [(n)]
- Độ dài cố định dữ liệu ký tự Unicode của các ký tự n.
- n phải là một giá trị từ 1 đến 4000.
- Kích thước lưu trữ là hai lần n byte.

Nvarchar

- nvarchar [(n | max)]
- Độ dài thay đổi dữ liệu ký tự Unicode.
- n có thể là một giá trị từ 1 đến 4000.
- tối đa chỉ ra rằng kích thước lưu trữ tối đa là 2 ^ 31-1 bytes.
- Kích thước lưu trữ, trong byte, là hai lần số lượng ký tự được nhập + 2 byte.

Ntext

- Đó là bằng nvarchar (max) kiểu dữ liệu này sẽ được gỡ bỏ trong một phiên bản tương lai của Microsoft SQL Server.
- Tránh sử dụng các loại dữ liệu trong phát triển mới sử dụng nvarchar (tối đa) .

7. Binary Values

Giá trị nhị phân giữ hình ảnh các giá trị nhị phân như thế, clip âm thanh và video clip.

Kiểu nhị phân giá trị là:

- binary
- varbinary
- Image

Binary

- nhị phân [(n)]
- Độ dài cố định dữ liệu nhị phân với chiều dài n byte, trong đó n là giá trị từ 1 đến 8000.
- Kích thước lưu trữ là n byte.

Varbinary

- varbinary [(n | max)]
- Độ dài thay đổi dữ liệu nhị phân.
- n có thể có giá trị từ 1 đến 8000.
- Kích thước lưu trữ tối đa là 2 ^ 31-1 bytes.
- Kích thước lưu trữ thực tế của dữ liệu nhập vào + 2 byte.

Image

- Đó là bằng varbinary (max) kiểu dữ liệu này sẽ được gỡ bỏ trong một phiên bản tương lai của Microsoft SQL Server.
- Tránh sử dụng các loại dữ liệu trong phát triển mới sử dụng thay vì varbinary (max)

- Hình sử dụng các loại dữ liệu trong phát triển sử dụng thay vì var binary (max)

8. Timestamp

- Timestamp là một kiểu dữ liệu cho thấy nhiều tự động tạo ra, số nhị phân duy nhất trong cơ sở dữ liệu.
- Kích thước lưu trữ là 8 byte.
- Bạn có thể sử dụng Timestamp của một hàng để dàng xác định bất kỳ giá trị trong hàng đã thay đổi kể từ lần cuối cùng nó được đọc.
- Nếu bất kỳ một thay đổi nào được thực hiện để hàng, giá trị Timestamp được cập nhật.
- Nếu không thay đổi được thực hiện đến hàng, giá trị Timestamp giống như khi nó được đọc trước.

9. Uniqueidentifier

- Uniqueidentifier là một GUID 16-byte được khởi tạo bằng cách sử dụng phương thức newid() hoặc chuyển đổi một chuỗi liên tục ở dạng xxxxxxxx-xxxx-xxxx-xxxx-xxxxxxxxxxxx được sử dụng để đảm bảo rằng các hàng được xác định duy nhất qua nhiều bản sao của bảng.

10. XML

- XML là kiểu dữ liệu lưu trữ dữ liệu XML.
- Bạn có thể lưu trữ các trường XML trong một cột, hoặc một biến có kiểu XML.
- Các đại diện được lưu trữ trường hợp kiểu dữ liệu XML không thể vượt quá 2 gigabyte (GB).

Ghi chú

- Sử dụng char, nchar hoặc binary khi các kích thước của các mục dữ liệu cột phù hợp.
- Sử dụng varchar, nvarchar hoặc varbinary khi các kích thước của các mục dữ liệu cột khác nhau đáng kể.
- Sử dụng varchar (max), nvarchar (max) hoặc varbinary (max) khi các kích thước của các mục dữ liệu cột khác nhau đáng kể, và kích thước có thể vượt quá 8.000 byte.

Nguồn bài viết: Dngaz.com

BÀI VIẾT TƯƠNG TỰ

- ▀ Sự khác nhau giữa Web Application Projects với Web Site Projects
 - ▀ Hướng dẫn sử dụng Tool CodeSmith
 - ▀ Tìm hiểu về Cookie
 - ▀ Tìm hiểu Stack & Heap trong C#(Phần 3)
 - ▀ Tìm hiểu Stack & Heap trong C#
- ▀ Đóng gói sản phẩm trong Visual Studio .NET
 - ▀ Tìm hiểu Kiểu enum
 - ▀ Tìm hiểu về Session
 - ▀ Tìm hiểu Stack & Heap trong C#(Phần 2)
 - ▀ Static

BÌNH LUẬN BÀI VIẾT

Đối tác:



thực phẩm chức năng | sức khỏe dinh dưỡng | Tư vấn du học miễn phí | xe banh mi tho nhĩ ky | Sửa máy giặt tại Đà Nẵng | Sửa máy lạnh tại Đà Nẵng | Dọn dẹp vệ sinh | Trang sức ngọc trai | Sửa bếp từ | Máy pha sữa | Hóa Đơn Điện Tử | Bảo Hành Electrolux Tại Hà Nội | Bảo hành Hitachi

Thiết kế bởi DOTNET GROUP. Hoàn thành giai đoạn

